

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 23-10-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Thay.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị S trình bày:*

Về hôn nhân: Bà với ông H sống chung với nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 23-8-2007, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung đến năm 2014 thì giữa vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Việc ông H có tình cảm với người phụ nữ khác bà không trình báo chính quyền địa phương. Hiện nay bà và ông H còn sống chung nhà

nhưng không quan tâm đến nhau nay cách nay hơn 04 năm. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Phạm Thị Bích V, sinh ngày 28-3-1991, Phạm Thị Bích L, sinh ngày 10-6-1993, Phạm Thanh T, sinh ngày 30-10-1995 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 09-8-2003, hiện cháu V, cháu L và cháu T đã thành niên (đủ 18 tuổi) có gia đình riêng; cháu N đang sống chung với ông bà. Nếu ly hôn cháu N muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, còn cháu Vân, cháu L và cháu T đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Thanh H nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với ông Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa bà S và ông H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cho đến nay không thể hàn gắn được nên bà S yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị S đối với ông Phạm Thanh H.

- Về nuôi con chung: Bà S đồng ý theo nguyện vọng của cháu N và cháu N có nguyện vọng sống chung với ông H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 09-8-2003 cho ông Phạm Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phạm Thị Bích V, sinh ngày 28-3-1991, Phạm Thị Bích L, sinh ngày 10-6-1993 và Phạm Thanh T, sinh ngày 30-10-1995 đã thành niên (đủ 18 tuổi), bà S không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà S không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Thanh H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đào Thị S và ông Phạm Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, hôn nhân giữa ông, bà là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến; tuy Nền theo biên bản xác minh tại địa phương nơi bà S, ông H sinh sống thì giữa bà S, ông H có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, nguyên nhân vì sao không biết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà S và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên bà S yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà S và ông H có 04 người con tên Phạm Thị Bích V, sinh ngày 28-3-1991, Phạm Thị Bích L, sinh ngày 10-6-1993, Phạm Thanh T, sinh ngày 30-10-1995 và Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 09-8-2003. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S đồng ý với nguyện vọng của cháu N, các cháu Vân, L, T đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, theo bản tự khai thì cháu N có nguyện vọng muốn sống cùng ông H nên cần giao con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 09-8-2003 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà S không tự nguyện đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu N cùng với ông H. Đối với con chung tên Phạm Thị Bích V, sinh ngày 28-3-1991, Phạm Thị Bích L, sinh ngày 10-6-1993, Phạm Thanh T, sinh ngày 30-10-1995 đã thành niên (đủ 18 tuổi), bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà S không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Đào Thị S và ông Phạm Thanh H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung tên Phạm Thị Ngọc N, sinh ngày 09-8-2003 cho ông Phạm Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà S không tự nguyện đóng góp (cấp dưỡng) nuôi cháu N cùng với ông H. Đối với con chung tên Phạm Thị Bích V, sinh ngày 28-3-1991, Phạm Thị Bích L, sinh ngày 10-6-1993, Phạm Thanh T, sinh ngày 30-10-1995 đã thành niên (đủ 18 tuổi), bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Đào Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận bà S không yêu cầu giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Đào Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0015159** ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Đào Thị S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Thanh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thanh Quốc**

